TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 08-01-2019
V/v "Tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Đặng Hoàng Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 113/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp nợ hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Trần Ngọc A, sinh năm 1988; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: ấp 9, BT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Trong thời gian chị Trần Ngọc A và anh Đoàn Văn C còn chung sống, chị A và anh C có tham gia 03 dây hụi do bà M làm chủ hụi, gồm dây hụi mở ngày 30/11/2016, dây hụi mở ngày 25/5/2016 và dây hụi mở ngày 10/02/2016. Sau khi tham gia 03 dây hụi này, chị A và anh C đã kêu hốt hụi và đang đóng hụi chết hàng tháng cho bà thì đến tháng 01/2017, chị A và anh C ly hôn. Giữa bà với chị

A, anh C đã thỏa thuận, anh C sẽ đóng các phần hụi chết của 02 dây hụi ngày 30/11/2016 và ngày 25/5/2016, còn chị A sẽ đóng 17 phần (tháng) hụi chết của dây hụi ngày 10/02/2016. Tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, chị A đã lập tờ cam kết sẽ chịu trách nhiệm đóng 17 phần hụi chết cho bà, thành tiền là 8.500.000 đồng, mỗi tháng đóng 500.000 đồng và chị A đã đóng 01 phần cho bà M, còn 16 phần sau sẽ đóng vào ngày 20 hàng tháng, có làm tờ cam kết do chị A ký tên. Tuy nhiên, cho đến nay chị A không đóng 16 phần hụi còn nợ lại cho bà, nên bà phải dùng tiền của mình bù vào phần hụi của chị A để giao cho các hui viên khác. Hiện nay dây hụi này đã mãn nhưng chị A vẫn không hoàn trả số tiền mà bà đã bù hụi cho chị A. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu chị A trả lại cho tôi số tiền nợ hụi mà bà đã bù cho chị A là 8.000.000 đồng. Bà không đồng ý cho chị A trả dần số tiền 8.000.000 đồng mỗi tháng 300.000 đồng như đề nghị của chị A.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Ngọc A trình bày như sau:

Chị A thừa nhận trong thời gian chị và anh Đoàn Văn C chung sống có tham gia chơi 03 dây hụi do bà M làm chủ hụi như lời trình bày của bà M. Tháng 01/2017, chị và anh C ly hôn nên giữa chị, anh C và bà M đã có thỏa thuận anh C sẽ đóng cho bà M các phần hụi chết của 02 dây hụi ngày 30/11/2016 và 25/5/2016, còn chị sẽ có trách nhiệm đóng 17 phần (tháng) hụi chết của dây hụi ngày 10/02/2016. Theo tờ cam kết mà chị A viết, mỗi tháng chị A sẽ đóng cho bà M số tiền 500.000 đồng và tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, chị đã đóng cho bà M được 01 phần với số tiền 500.000 đồng, còn nợ lại 16 phần. Hiện nay chị còn nợ lại bà M 16 phần hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng và đồng ý trả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi con nhỏ nên chị xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M về việc yêu cầu bị đơn chị Trần Ngọc A có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 8.000.000 đồng, thấy rằng: tại giấy cam kết không ghi ngày tháng do bà M giao nộp có nội dung chị A chịu trách nhiệm trả cho bà M 17 phần hụi chết, mỗi phần là 500.000 đồng của dây hụi mở ngày 10/02/2016 và sẽ đóng theo hàng tháng, mỗi tháng đóng 500.000 đồng. Nội dung tờ cam kết này cũng đã thể hiện chị A

chỉ mới đóng cho bà M 01 phần hụi là 500.000 đồng, còn nợ lại 16 phần chưa đóng. Bị đơn chị A cũng thừa nhận hiện còn nợ lại bà M 16 phần hụi chết với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu chị A trả số tiền 8.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc chị A xin trả số tiền 8.000.000 đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, yêu cầu này của chị A không được bà M chấp nhận và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M. Buộc bị đơn chị Trần Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn chị Trần Ngọc A có nghĩa vụ nộp toàn bộ số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017789 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Ngọc A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Duy Linh